

CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NỮ TẠI HUYỆN ĐẮKMIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Nguyễn Thị Phương Thảo^{1*}

¹Viện Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Phương Thảo, phuongthao661996@gmail.com

THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 23/04/2024

Ngày nhận bài sửa: 01/06/2024

Ngày duyệt đăng: 28/12/2024

TỪ KHOA

Đắk Mil;

Lao động nữ;

Việc làm.

TÓM TẮT

Bài viết đánh giá thực trạng công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ ở huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trên các nội dung: Thực trạng phát triển sản xuất để giải quyết việc làm cho lao động nữ; Thực trạng về hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho lao động nữ; Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho phụ nữ và xuất khẩu lao động giải quyết việc làm cho lao động nữ. Tác giả tham khảo và vận dụng một số nội dung từ các bài nghiên cứu liên quan đã được công bố trong nước và sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phân tích tổng hợp trong nghiên cứu. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ tại huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông trong thời gian tới.

1. GIỚI THIỆU

Huyện Đắk Mil được thành lập năm 1936 bao gồm một phần của các huyện Krông Nô, huyện Cư Jút và huyện Đắk Song hiện nay, với diện tích tự nhiên 67.902 ha, diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 43.034 ha. Huyện Đắk Mil có địa hình chia cắt mạnh bởi các đồi núi cao và các con sông, suối lớn nhỏ, địa hình dốc, có tài nguyên khoáng sản dồi dào. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2020 - 2022 đạt 8,88%/năm, thu nhập bình quân đầu người đạt 67,8 triệu đồng/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Huyện Đắk Mil có dân số đến năm 2022 hơn 103 nghìn người, tốc độ phát triển dân số hàng năm xấp xỉ 1%, có hơn 65.486 lao động, nguồn lao động dồi dào, lao động trẻ, khỏe chiếm tỷ lệ cao trong tổng số lao động. Đây là nguồn lực quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, theo thống kê 6 tháng đầu năm 2022, tổng số người trong độ tuổi lao động là 39.074 người, số người lao động thất nghiệp hoặc có việc làm nhưng thu nhập thấp còn khoảng 2.919 người, chiếm 4,27% dân số trong toàn huyện. Do đó, vấn đề giải quyết việc làm, tạo nhiều chỗ làm mới cho người lao động nói chung và lao động nữ nói riêng là một trong những vấn đề cấp bách, có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Lao động nữ thường được coi là nhóm yếu thế. Đây là vấn đề xuất phát từ đặc điểm về giới tính của lao động cũng như đặc điểm về xã hội của họ, mà xuất phát từ thiên chức, trách nhiệm và gánh nặng gia đình, con cái. Việc làm của phần lớn lao động nữ thiếu ổn định, thu nhập thấp. Phụ nữ dễ bị tổn thương trong công việc và ít nhận được các thỏa thuận việc làm chính thức. Số lao động nữ hoạt động trong khu vực phi chính thức tăng. Lượng lao động nữ di cư từ

phát ra thành phố do thiếu việc làm gia tăng nhanh. Điều đó, chứng minh rõ nét vấn đề việc làm của lao động nữ luôn là một vấn đề bức xúc và thiếu các yếu tố liên quan đến việc làm bền vững. Thực trạng về lao động, việc làm của huyện, cũng như tìm giải pháp cho lao động nữ là một vấn đề hết sức thiết thực. Bên cạnh đó, chưa có nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nữ tại huyện Đăk Mil. Vì vậy, bài viết: “*Công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ tại huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông*” là rất cần thiết và có ý nghĩa.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Vấn đề việc làm và việc làm cho lao động nữ là một trong những vấn đề mang tính toàn cầu, đặc biệt trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày nay. Bất kỳ quốc gia nào giải quyết tốt vấn đề việc làm, đặc biệt là việc làm cho lao động nữ (vì vấn đề bình đẳng giới ngày càng nhận được sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới) thì sẽ có tác động mạnh mẽ vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị của quốc gia đó. Do đó, vấn đề này được ưu tiên trong chính sách phát triển đất nước của mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Ở nước ta, từ những năm đầu của thế kỷ XX trở lại đây, có nhiều tác giả đã quan tâm về vấn đề này, nhiều công trình, bài viết được đăng tải, phản ánh và công nhận, tiêu biểu như sau:

Tác giả Đặng Quỳnh Mai đã phân tích đánh giá vai trò của phụ nữ nông thôn trong điều kiện kinh tế tri thức. Tuy tác giả chỉ tập trung đánh giá vai trò của họ trong ngành nghề nhưng đã chỉ ra những điểm hạn chế của đối tượng này có liên quan tới phát triển ngành nghề như trình độ học vấn thấp và rất khác nhau giữa các vùng; chịu khó và nhiều khát vọng vươn lên; phần lớn nghèo và có gia đình sớm lại nhiều con.... Do đó phát triển nghề rất khó nhất là trong điều kiện kinh tế tri thức. Từ đây cũng có thể rút ra

những vấn đề trong giải quyết việc làm cho lao động nữ nông thôn nhất giải pháp giải quyết việc làm thông qua đào tạo nghề (Đặng Quỳnh Mai et al., 2003).

Tác giả Đinh Đăng Định đã phân tích khá chi tiết về lao động, việc làm và đời sống người lao động ở Việt Nam trong thời kỳ những năm cuối thế kỷ 20 và đầu 21 đã cho thấy tình trạng lao động dư thừa giống như các nước đang phát triển kéo theo nhu cầu việc làm rất lớn trong khi nền kinh tế tạo ra việc làm không đủ. Tình hình này đã dẫn tới tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm rất cao ở Việt Nam thời kỳ này. Không dừng ở đó nghiên cứu đã cố gắng phân tích mối quan hệ giữa lao động, việc làm và đời sống của lao động trong mối quan hệ biện chứng với nhau từ đây tác giả đã đề xuất giải pháp căn bản để nâng cao đời sống phải giải quyết tốt vấn đề việc làm như khâu đột phá. Tác giả đã đưa ra một số giải pháp giải quyết vấn đề việc làm với những biện pháp như tăng cường đào tạo nghề, xuất khẩu lao động ... Đây chính là những bài học hữu ích cho nghiên cứu giải quyết việc làm cho lao động nữ dù là những giải pháp chung (Đinh Đăng Định et al., 2004).

Tác giả Phạm Đức Thành đã đánh giá thực trạng việc làm và thất nghiệp trên cơ sở đó đề ra những quan điểm và biện pháp giải quyết việc làm cho người lao động (Phạm Đức Thành et al., 2002).

Nhóm tác giả Nguyễn Bá Ngọc và Trần Văn Hoan đã trình bày tác động của toàn cầu hóa đến người lao động, phân tích cơ hội và thách thức đối với lao động Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Từ đó đề ra các giải pháp cho lao động Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa (Nguyễn Bá Ngọc, Trần Văn Hoan et al., 2002).

Nghiên cứu của Vũ Đình Thắng đã đánh giá tầm quan trọng và những kết quả đạt được trong giải quyết việc làm ở nông thôn bằng cách phát triển các ngành phi nông nghiệp với

phương châm: “Ly nông bất ly hương” (Vũ Đình Thắng et al., 2002).

Tác giả Trần Thị Thu (2003) đã chỉ ra những đặc điểm cơ bản của lao động nữ như: Trình độ học vấn rất thấp và không đồng đều; Tỷ lệ qua đào tạo thấp; Khả năng tiếp cận các điều kiện để có việc làm không đồng đều và chênh lệch so với nam giới; Đã trở thành những thách thức lớn trong tạo việc làm khi nền kinh tế tiến hành Công nghiệp hóa - hiện đại hóa... Nhưng những điểm này vẫn hữu ích cho nghiên cứu giải quyết việc làm cho lao động nữ ở Đồng Hới (Trần Thị Thu et al., 2003).

Tác giả Nguyễn Sinh Cúc đã đề cập những biến động của tình hình dân số ở nông thôn và những xu hướng mới trong việc tạo việc làm ở nông thôn: Kinh tế trang trại, khôi phục và phát triển làng nghề nông thôn, tạo việc làm mới từ phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa từ các chương trình quốc gia, quốc tế (Nguyễn Sinh Cúc et al., 2003).

Tác giả Nguyễn Hữu Dũng đã phân tích đến thực trạng về lao động và việc làm ở nông thôn trong quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa, đồng thời đưa ra những phương hướng và giải pháp cơ bản để giải quyết việc làm ở nông thôn (Nguyễn Hữu Dũng et al., 2004).

Tác giả Nguyễn Thị Thơm và Phí Thị Hằng nêu lên một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa; Thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa; Phương hướng và giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa (Nguyễn Thị Thơm, Phí Thị Hằng, 2009).

Tác giả Trần Thị Minh Ngọc đã đề cập một số vấn đề lý luận và các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại

hoá; thực trạng việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng dưới tác động của công nghiệp hoá, hiện đại hoá giai đoạn 2000 – 2007 và đưa ra một số giải pháp tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020 (Trần Thị Minh Ngọc et al., 2019).

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tuyển chọn, hệ thống hóa các nghị quyết, chỉ thị, báo cáo, thông cáo, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có nội dung liên quan trực tiếp đến phát triển lao động, việc làm của nước ta qua các thời kỳ xây dựng đất nước. Ngoài các văn kiện có nội dung liên quan trực tiếp đến lao động, việc làm, cuốn sách còn tuyển chọn, sưu tầm thêm một số văn kiện về tiền lương, đào tạo nghề... Hầu hết các văn kiện được công bố trong cuốn sách này đều mang tính chỉ đạo trong một giai đoạn (Đảng Cộng sản Việt Nam et al., 2011).

Tác giả Cao Duy Hạ đã khẳng định: Giải quyết việc làm là một trong những chính sách quan trọng, là vấn đề cấp thiết và cơ bản đối với mỗi quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển có lực lượng lao động lớn như nước ta, thì việc làm đã trở thành vấn đề được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Giải quyết việc làm cho người lao động không chỉ tận dụng nguồn nhân lực, tạo điều kiện phát triển kinh tế đất nước mà còn góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mặc dù đã được Nhà nước quan tâm đầu tư khá bài bản về tài chính, cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, nhân viên; tuy nhiên, hiệu quả giải quyết việc làm vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Đứng trước những đòi hỏi của giải quyết việc làm, tạo ra nhiều chỗ làm mới cho người lao động, giải quyết an sinh xã hội đang rất bức xúc, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã đề ra chủ trương về giải quyết việc làm trong giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra 6 giải pháp giải quyết

việc làm nhằm thực hiện mục tiêu Đại hội XI của Đảng đã đề ra (Cao Duy Hạ et al., 2011).

Tác giả Trần Việt Tiến đã có bài viết đăng trên Tạp chí Kinh tế và phát triển góp phần làm rõ thực trạng chính sách việc làm ở nước ta hiện nay, từ đó đưa ra định hướng hoàn thiện chính sách việc làm tới năm 2020 (Trần Việt Tiến et al., 2012).

Tác giả Trần Đình Chín và Nguyễn Dũng Anh (đồng chủ biên), đề cập đến những cơ sở lý luận và thực tiễn về việc làm, giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa; phân tích thực trạng chất lượng lao động, việc làm và tình hình giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất ở vùng kinh tế trọng điểm Trung Bộ với những hạn chế và một số vấn đề đặt ra. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất ở khu vực kinh tế trọng điểm Trung Bộ trong thời gian tới (Trần Đình Chín, Nguyễn Dũng Anh et al., 2014).

Tác giả Lê Xuân Bá góp phần làm sáng tỏ lý luận về lao động việc làm khu vực phi chính thức trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; Kinh nghiệm quốc tế về lao động việc làm khu vực phi chính thức; Thực trạng lao động việc làm khu vực phi chính thức trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam; Dự báo xu hướng và các giải pháp cho lao động việc làm khu vực phi chính thức ở Việt Nam đến năm 2020 (Lê Xuân Bá et al., 2015).

Tác giả Phạm Thị Ngọc Vân đã hệ thống hóa và góp phần làm rõ những vấn đề cơ bản về thực tiễn việc làm và giải quyết việc làm nói chung. Phân tích thực trạng việc làm và giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời đánh giá được những việc đã làm được, tồn tại và nguyên nhân. Qua nghiên cứu 5 thực trạng kết hợp định hướng và quan điểm của Đảng và Nhà nước về việc làm và giải quyết việc làm cho lao động tỉnh Thái Nguyên tác giả

đã đưa ra được 6 nhóm giải pháp phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên. Tác giả mới chủ yếu phân tích, đánh giá thực trạng và các giải pháp việc làm cho lao động ở phạm vi tỉnh Thái Nguyên (Phạm Thị Ngọc Vân et al., 2015).

Tác giả Phạm Mạnh Hà đã làm rõ những căn cứ khoa học và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cho lao động nông thôn, đi sâu vào phân tích, đánh giá thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Ninh Bình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đồng thời luận án đã đề xuất quan điểm, mục tiêu, phương hướng giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Ninh Bình đến năm 2020 (Phạm Mạnh Hà et al., 2010).

Tác giả Võ Thị Thuý Nguyệt đề cập một số vấn đề lý luận cơ bản về giải quyết việc làm cho lao động nữ; thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nữ tại huyện Đại Lộc và đề xuất một số giải pháp giải pháp việc làm cho lao động nữ tại huyện Đại Lộc (Võ Thị Thuý Nguyệt et al., 2019).

Nhóm tác giả Bạch Ngọc Thắng và Lê Quang Cảnh đã cung cấp những kiến thức về lý luận, thực tiễn và chính sách giúp lao động trẻ gắn kết thành công với thị trường lao động và đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế – xã hội. Đồng thời cung cấp những kiến thức chuyên sâu liên quan tới việc kết nối và quá trình dịch chuyển từ nhà trường tới thị trường lao động, năng lực việc làm của sinh viên tốt nghiệp, đào tạo quá mức, hay đặc điểm việc làm của giới trẻ trên thị trường lao động. Những phân tích trong từng nội dung này được triển khai từ cơ sở lý luận đến thực tiễn và có gợi ý chính sách tương ứng phù hợp (Bạch Ngọc Thắng, Lê Quang Cảnh et al., 2020).

Tác giả Nguyễn Đăng Núi đã đưa ra khung lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn về chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động

vùng dân tộc thiểu số; phân tích thực trạng dạy nghề, giải quyết việc làm và chính sách dạy nghề cho đối tượng lao động này từ đổi mới đến nay; trên cơ sở đó, kết hợp với phương pháp dự báo nhu cầu, tác giả nêu quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (Nguyễn Đăng Núi et al., 2020).

Tác giả Lê Phương Hòa đề cập đến thách thức của lao động ở Việt Nam hiện nay, xu hướng dịch chuyển lao động nông nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ, là một trong những chỉ báo cho thấy sự phát triển theo hướng ngày càng hiện đại của nền kinh tế và cuối cùng là đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam (Lê Phương Hòa et al., 2021).

Nhóm tác giả Bùi Quyết Thắng và Lê Thu Hà đã nêu ra một số vấn đề về chính sách đối với lao động nữ, bình đẳng giới (gồm các câu hỏi - đáp xung quanh hai vấn đề trên) và phụ lục các văn bản của Đảng, Nhà nước và Tổng Liên đoàn quy định về các chính sách đối với lao động nữ và bình đẳng giới. Phần này tập hợp một cách hệ thống và tương đối đầy đủ về những chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các văn bản của Tổng Liên đoàn về chính sách đối với lao động nữ và bình đẳng giới (Bùi Quyết Thắng, Lê Thu Hà, 2017).

Tổ chức Lao động thế giới (ILO) năm 2023 nhận định phụ nữ trẻ và lớn tuổi thường là những đối tượng có nguy cơ ra khỏi lực lượng lao động. Chất lượng việc làm của phụ nữ thấp hơn nam giới khi họ chiếm phần lớn các công việc dễ bị tổn thương và mức thu nhập thấp hơn, dù số giờ làm tương đương. Theo ILO, đại dịch COVID-19 không chỉ làm trầm trọng thêm sự bất bình đẳng đang có mà còn tạo ra những bất cập mới trên thị trường lao động.

Nhìn chung, với những nghiên cứu mà tác giả đã đề cập ở trên đã cho thấy vấn đề giải

quyết việc làm là một trong những chủ đề được quan tâm, nghiên cứu. Những nghiên cứu này tập trung vào thực trạng lao động, giải quyết việc làm, thực trạng nguồn nhân lực, vấn đề về đào tạo nguồn nhân lực, đào tạo nghề, vấn đề nguồn nhân lực trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 hay tập trung vào nghiên cứu, đánh giá việc thực hiện chính sách lao động, giải quyết việc làm. Từ năm 2020 đến nay, đại dịch COVID - 19 đã ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt, trong đó, vấn đề lao động việc làm là một trong những vấn đề bị ảnh hưởng nặng nề, trong đó, vùng Tây Nguyên cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, ở nội dung trên chúng tôi đã phân tích, trong giai đoạn này, các nghiên cứu về vấn đề giải quyết việc làm cho lao động và lao động nữ chủ yếu ở cấp độ khu vực cũng như trong phạm vi cả nước. Các nghiên cứu chuyên sâu ở các vùng miền như Tây Nguyên vẫn còn hạn chế, chủ yếu mới chỉ dừng lại ở các bài báo của phóng viên hay báo cáo thống kê của các tỉnh về vấn đề này. Tuy nhiên, trong số các công trình đã nghiên cứu trên chưa có công trình nào nghiên cứu về công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Trong bài viết này, tác giả sẽ phân tích thực trạng công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2.2. Một số khái niệm cơ bản

2.2.1. Khái niệm về lao động

Các Mác viết “Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người tác động vào thế giới tự nhiên nhằm cải tạo tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu, đồng thời cải tạo cả bản thân con người”. Chính vì vậy Ph. Angghen đã viết: “Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người” (Ph. Angghen et al., 1971).

Rõ ràng, hoạt động lao động là dạng hoạt động quan trọng nhất của loài người. Lao động là nguồn gốc của mọi của cải vật chất và cả giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định tới chất lượng tăng trưởng và sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Độ tuổi lao động khác nhau ở các quốc gia, theo Bộ Luật lao động Việt Nam (2012), độ tuổi lao động đối với nam từ 15 - 60 và nữ từ 15 - 55. Lực lượng lao động là những người đủ 15 tuổi trở lên có việc làm và những người đang thất nghiệp tại thời điểm điều tra. Việc xác định lực lượng lao động được thực hiện thông qua tổng điều tra dân số hoặc điều tra thực trạng lao động với việc làm hàng năm.

2.2.2. Khái niệm về thất nghiệp - lao động không có việc làm

Về khái niệm thất nghiệp, đa số các chuyên gia Việt Nam đều thống nhất với khái niệm của ILO: "Thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một số người trong lực lượng lao động muốn làm việc, nhưng không thể tìm được việc làm ở mức tiền công đang thịnh hành".

Sự phát triển của thị trường lao động ở nhiều nước đã chỉ ra rằng, tình trạng thất nghiệp có nhiều dạng khác nhau.

- Thất nghiệp không tự nguyện: là tình trạng thất nghiệp của người lao động do không tìm được việc làm ở mức lương hiện hành.

- Thất nghiệp dài hạn: là những người thất nghiệp ở tình trạng dài hạn - Thất nghiệp chu kỳ: là tình trạng thất nghiệp của người lao động xảy ra trong giai đoạn đình trệ của chu kỳ sản xuất kinh doanh.

- Thất nghiệp dai dẳng: là tình trạng thất nghiệp của người lao động xảy ra khi những người thất nghiệp đang trong thời gian tìm việc làm hoặc chờ việc làm trong tương lai gần. Loại thất nghiệp dai dẳng mang đặc điểm của thất nghiệp ngắn hạn.

- Thất nghiệp cơ cấu: là tình trạng thất nghiệp xảy ra do mất đồng bộ giữa cơ cấu lao động (tay nghề, nghề nghiệp) và cơ hội làm việc do sự thay đổi cơ cấu của nhu cầu tiêu dùng và công nghệ. Loại thất nghiệp này mang đặc điểm của thất nghiệp dài hạn.

- Thất nghiệp thời vụ: là tình trạng thất nghiệp xảy ra khi xuất hiện mức độ hoạt động kinh tế thấp ở một số ngành kinh tế trong một số khoảng thời gian trong năm.

2.2.3. Khái niệm về việc làm

Việc làm là tiền đề cơ bản giúp chúng ta nhận dạng và phân loại đối tượng một cách chính xác và thống nhất, từ đó có những biện pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động. Cho đến nay, khái niệm về việc làm có một số quan điểm chủ yếu sau: Việc làm là sự kết hợp giữa sức lao động với tư liệu sản xuất nhằm biến đổi đối tượng lao động theo mục đích của con người. Theo Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2012 chỉ rõ: "Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm".

Phân tích từ các quan điểm trên ta thấy, mỗi khái niệm việc làm đều biểu hiện những mức độ cụ thể khác nhau về các nội dung, nhưng chúng đều bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Là hoạt động lao động của con người, mục đích của hoạt động lao động đó nhằm tạo ra nguồn thu nhập, hay mục đích nào đó và hoạt động lao động đó không bị luật pháp ngăn cấm.

Tuy nhiên, những sắc thái của các khái niệm trên mới biểu hiện việc làm như là một động từ, chưa bao hàm sắc thái của một danh từ. Những nội dung trên biểu hiện rõ hơn ở nghĩa làm việc chứ chưa phản ánh đầy đủ của nghĩa việc làm. Trên thực tế, có trường hợp người lao động có sức lao động nhưng không có việc làm, cần phải giải quyết việc làm. Ngược lại, có trường hợp người lao động có sức lao động, có việc làm nhưng không làm việc vì

những lý do khác nhau. Ví dụ: trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam trước đây, người lao động thờ ơ với công việc của hợp tác xã do thu nhập thấp, người công nhân trong doanh nghiệp lãn công do bất mãn với cách thức quản lý của chủ doanh nghiệp... Trong những trường hợp này cần phải có những biện pháp hợp lý để người lao động tự giác làm việc, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Như vậy, từ việc làm đến làm việc còn có khoảng cách. Để có việc làm đã là quan trọng, nhưng để người lao động làm việc, nhất là làm việc có hiệu quả lại càng quan trọng hơn.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra khái niệm về việc làm như sau: Việc làm là phạm trù kinh tế biểu hiện sự kết hợp giữa sức lao động với tư liệu sản xuất nhằm biến đổi đối tượng lao động theo những mục đích của con người (tạo ra thu nhập, ra của cải vật chất hoặc thoả mãn những nhu cầu nào đó...), phù hợp với những quy định của pháp luật.

Việc làm cho lao động nữ: Bộ Luật Lao động (2012) của nước ta đã dành riêng một chương cho lao động nữ. Trong Khoản 1, 2 - Điều 153 của Bộ Luật Lao động đã chỉ rõ: "1. Bảo đảm quyền làm việc bình đẳng của lao động nữ. 2. Khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà."

2.2.4. Khái niệm về giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm, bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động đều có cơ hội có việc làm là trách nhiệm của Nhà nước, của các doanh nghiệp và toàn xã hội. Giải quyết việc làm cho người lao động là tổng thể các giải pháp, chính sách kinh tế, xã hội tác động đến người lao động nhằm tạo ra điều kiện và môi trường bảo đảm cho mọi người có khả năng lao động có cơ hội làm việc với chất lượng việc làm và thu nhập ngày càng cao.

Giải quyết việc làm là hoạt động chủ quan của nhà nước nhưng dường như thụ động theo bối cảnh và ngược với cách tạo việc làm. Tạo việc làm mang tính chủ động hơn và được hoạch định trên cơ sở dự báo thị trường lao động. Nhưng khi sai lệch trước những biến động bất thường sẽ làm thất nghiệp và thiếu việc làm tăng lên sẽ cần chính sách giải quyết việc làm. Như vậy chính sách việc làm sẽ bao hàm hai hướng giải quyết việc làm và tạo việc làm.

Giải quyết việc làm cho lao động phụ thuộc cung cầu lao động và chính sách của nhà nước. Số lượng và chất lượng lao động ảnh hưởng tới nguồn cung lao động, mức độ sẵn sàng tham gia thị trường lao động cũng là một yếu tố quan trọng. Cầu lao động của doanh nghiệp và tổ chức do điều kiện thị trường quyết định, khi cầu hàng hóa dịch vụ tăng lên nhu cầu lao động tăng lên. Khi diễn biến của cung cầu trái ngược và sai lệch sẽ dư thừa lao động. Nhà nước tham gia vào thị trường lao động bằng những quy định trong luật lệ sẽ ảnh hưởng tới cầu lao động.

2.3. Nội dung đánh giá giải quyết việc làm cho lao động nữ

Giải quyết việc làm trên góc độ vĩ mô là các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tiến hành nhằm tạo ra cơ hội và tạo điều kiện cho lao động tận dụng cơ hội để có việc làm thay đổi trạng thái của họ từ không có việc làm thành có việc làm. Các hoạt động đó thể hiện qua các nội dung sau:

Phát triển sản xuất giải quyết việc làm:

Sản xuất của doanh nghiệp và tổ chức sẽ cung ứng việc làm cho xã hội. Phát triển sản xuất thể hiện bằng sự gia tăng quy mô sản xuất của nền kinh tế mà trong hoạt động của các doanh nghiệp được mở rộng. Khi doanh nghiệp và tổ chức bằng quy mô hoạt động sản xuất sẽ tăng cầu việc làm và tạo ra cơ hội lớn có nguồn việc làm để giải quyết cho các lao động không có việc làm nhất là lao động nữ.

Các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh sẽ kéo theo sự phát triển mở rộng cả về quy mô lẫn hướng sản xuất, từ đó giải quyết việc làm cho lao động nhất là lao động nữ. Để thúc đẩy quá trình này cần có những chính sách khuyến khích đầu tư, thay đổi công nghệ sản xuất, phát triển mọi thành phần kinh tế, ...

- Đầu tư phát triển kinh tế: Đây là điều kiện quan trọng cho sự phát triển của huyện; tăng trưởng kinh tế sẽ tạo chỗ làm mới và giải quyết việc làm một cách thuận lợi hơn;

+ Phát huy cơ chế dân chủ; cải cách thủ tục hành chính, tạo tính minh bạch và trách nhiệm cao; đồng thời rút ngắn một cách tối đa thời gian chi phí để thực hiện một dịch vụ công hoặc thực hiện các quy định của nhà nước;

+ Có cơ chế cho việc sử dụng đất đai, tính ổn định trong sử dụng đất; đầu tư một cách đồng bộ các cơ sở dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp có hiệu quả.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

+ Trong nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ là hai lĩnh vực tạo ra việc làm mới chủ yếu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Ở khu vực nông thôn, phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ sẽ có thêm việc làm cho rất nhiều lao động nữ nói riêng và lao động nói chung.

+ Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp công nghệ thông tin và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại - là những hướng đột phá tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều chỗ làm mới và làm chuyển hướng về cơ cấu lao động theo hướng tích cực.

+ Do đặc điểm sản phẩm của nông nghiệp gặp giới hạn về thị trường do cầu co dần thấp nên muốn tăng sản lượng nông nghiệp cần thiết đa dạng hóa sản phẩm của khu vực này. Trong đó tập trung vào những sản phẩm có giá trị gia

tăng cao, hiệu quả sản xuất cao gắn với lợi thế của cây con nhiệt đới ở Việt Nam.

Muốn phát triển sản xuất để giải quyết việc làm cần có cơ chế, chính sách tài chính phù hợp. Trong đó tập trung:

+ Xây dựng cơ chế, chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế, phát triển nguồn nhân lực phù hợp và có chất lượng;

+ Tiếp tục có những cơ chế, chính sách mới về tài chính; đầu tư ưu đãi có trọng tâm, trọng điểm để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; trước hết, đánh giá và điều chỉnh các đề án trước đây cho phù hợp với tình hình mới.

Hướng nghiệp, giới thiệu việc làm

Người lao động nói chung và lao động nữ nói riêng thường không có hoặc không biết cách tiếp cận thông tin việc làm trên thị trường để biết được công việc gì thị trường đang cần lao động. Ngay cả khi có thông tin việc làm đang cần thuê lao động thì trong nhiều trường hợp họ cũng khó có thể tiếp cận việc làm nhất là lao động nữ. Tình hình này sẽ được giải quyết nhờ hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm. Hướng nghiệp cho lao động là cung cấp và tạo điều kiện để lao động nói chung và nữ nói riêng lựa chọn nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội và do đó tăng cơ hội có việc làm. Giới thiệu việc làm là sẽ cung cấp thông tin và kết nối tạo cơ hội để lao động tiếp cận việc làm.

Những công việc này cần có sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục đào tạo, ngành lao động, trung tâm giới thiệu việc làm với doanh nghiệp. Đồng thời cũng cần các chính sách về lao động việc làm của địa phương.

Giới thiệu việc làm bao gồm các hoạt động:

1. Tư vấn về việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật.

2. Giới thiệu việc làm cho người lao động; cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu người sử dụng lao động.

3. Thu nhập, phân tích và cung ứng thông tin về thị trường lao động, bao gồm: nhu cầu tuyển lao động, nhu cầu cần việc làm, tiêu chuẩn lao động, tiền lương, tiền công trên địa bàn hoạt động của vùng và cả nước.

Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm

Đào tạo nghề là hoạt động nhằm chuẩn bị cho người lao động những kỹ năng, kiến thức về công việc, giúp cho họ hình thành năng lực cần thiết để bước ra và tham gia vào thị trường lao động.

Đào tạo nghề cơ bản thực hiện nhiệm vụ đào tạo ra đội ngũ lao động kỹ thuật phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa, đào tạo gắn liền với việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, khắc phục tình trạng thừa thầy thiếu thợ như hiện nay. Đào tạo nghề phải xuất phát từ yêu cầu của sản xuất, vì sản xuất và do sản xuất, phát triển thành hệ thống nhiều cấp độ, đảm bảo tính liên thông phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Đào tạo nghề có ý nghĩa không chỉ về kinh tế mà còn có ý nghĩa xã hội, khắc phục tình trạng chênh lệch về trình độ giữa các nhóm dân tộc, giữa các vùng địa lý, tạo đội ngũ lao động chất lượng cao phục vụ cho các khu vực vùng sâu, vùng xa.

Đẩy mạnh đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực cần căn cứ vào quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, quy hoạch phát triển dạy nghề, Quy hoạch phát triển ngành giáo dục..., đặc biệt là nguồn nhân lực đào tạo nghề.

Để đạt được những mục tiêu đó, cần tập trung một số việc sau:

- Xúc tiến đầu tư một số trường dạy nghề trọng điểm hướng đến tiêu chuẩn quốc tế và khu vực;

- Tiếp tục triển khai Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/2009/QĐ-CP của Chính phủ; Đề án hỗ trợ cho hộ giải tỏa đền bù, mất đất sản xuất do thu hồi đất chỉnh trang đô thị. Đầu tư đào tạo nghề ngắn hạn miễn phí cho lao động nông thôn, nông dân để chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm;

- Tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi, hỗ trợ dạy nghề cho các đối tượng: người nghèo, con em gia đình chính sách, bộ đội xuất ngũ, người sau cai nghiện ma túy... để có nghề và tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm ổn định.

- Đầu tư hỗ trợ các mô hình đào tạo nghề và giải quyết việc làm tại chỗ có hiệu quả tại các địa phương.

Xuất khẩu lao động

Giải quyết việc làm cho lao động nữ thông qua xuất khẩu lao động là tạo điều kiện để lao động nữ có thể có việc làm từ thị trường nước ngoài thông qua hoạt động kết nối của các doanh nghiệp và tổ chức môi giới. Thị trường lao động nước ngoài nhất là những nước Đông Á, ASEAN ... có nhu cầu lao động nữ rất cao. Kinh nghiệm của thế giới và trong khu vực ASEAN đã chỉ ra đây là một hướng lớn và quan trọng để giải quyết việc làm cho lao động nữ.

Điều kiện để thực hiện xuất khẩu lao động là cần có sự chuẩn bị về kỹ năng làm việc, giao tiếp, ngoại ngữ hay khả năng thích ứng để có thể đảm đương công việc. Muốn vậy rất cần thiết phải có đào tạo cho lao động nữ trước khi tham gia vào thị trường lao động vì hầu như đây là điểm yếu nhất của lao động nữ Việt Nam. Muốn vậy cần phải tổ chức các hoạt động này ở các địa phương gắn với đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời phải hỗ trợ các

khoản tín dụng để lao động có thể học nghề và làm thủ tục xuất khẩu.

Để giải quyết việc làm cho người lao động thông qua hoạt động xuất khẩu lao động cần:

- Tiếp tục duy trì các thị trường truyền thống có nhu cầu về trình độ công nhân kỹ thuật, có thu nhập cao; hạn chế thị trường có nhiều rủi ro.

- Tổ chức các khóa đào tạo định hướng xuất khẩu lao động kịp thời; hỗ trợ kinh phí đào tạo định hướng cho con em hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, bộ đội xuất ngũ và hộ di dời giải tỏa mất đất sản xuất để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Hỗ trợ vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.

- Tăng cường công tác tuyên truyền xuất khẩu lao động.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích, tổng hợp: tác giả tiến hành thu thập và phân tích các tài liệu có sẵn từ các nguồn: Các báo cáo, thống kê từ các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước tại huyện Đắk Mil; sách, báo, tạp chí và các kết quả nghiên cứu liên quan đến nội dung nghiên cứu của bài viết.

Bài viết tập trung vào việc phân tích các tài liệu theo các tiêu chí khoa học và loại hình tài liệu, dựa vào mô hình nội dung nghiên cứu đã xây dựng một cách cụ thể để tìm kiếm và phân tích tất cả các nghiên cứu có sẵn nhằm mô tả, khái quát hóa bức tranh toàn cảnh về chủ đề nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau.

Phương pháp thống kê: Thống kê mô tả được sử dụng để xem xét đánh giá diễn biến và xu thế thay đổi về kinh tế xã hội. Quan trọng nhất là đánh giá trạng thái và sự thay đổi của lao động nữ, việc làm của họ trên các góc độ số lượng, xu thế biến động, chất lượng, cơ cấu và nguồn gốc tạo ra việc làm... Thông qua phương

pháp này để thấy được những chính sách và giải pháp giải quyết việc làm cho đối tượng lao động này của huyện.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng giải quyết việc làm cho lao động nữ tại huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

3.1.1. Thực trạng phát triển sản xuất để giải quyết việc làm cho lao động nữ

Tình hình kinh tế của huyện Đắk Mil giai đoạn 2019 – 2023 có nhiều sự biến động do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN trên địa bàn huyện bị ngưng trệ, lao động bị mất việc làm, thu nhập giảm hoặc mất hoàn toàn bậc lộ những hạn chế trong vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động nữ trên địa bàn huyện.

Đầu năm 2022, đặc biệt đến quý III năm 2022, trong bối cảnh dịch COVID-19 được kiểm soát, hoạt động sản xuất kinh doanh đang trên đà phục hồi mạnh, thị trường lao động duy trì đã phục hồi. Cùng với sự quay trở lại thị trường lao động của lượng lớn lao động hồi hương năm 2021, và hiệu quả công tác xúc tiến việc làm, tạo mới việc làm cho lực lượng lao động nữ tại chỗ, tỷ lệ thất nghiệp tại huyện Đắk Mil trong năm 2022 được cải thiện rõ rệt.

Bảng 1: Việc làm được tạo ra từ phát triển sản xuất của huyện

	2019	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng kinh tế (%)	10.3	9.7	8.1	11.4	12.3
Tăng trưởng việc làm (%)	0.32	0.08	0.03	0.19	0.25
Hệ số co dãn việc làm	0.032	0.015	0.009	0.012	0.027

Nguồn: Tính toán từ số liệu Phòng Lao động và TBXH huyện Đắk Mil

Từ những diễn biến đó kéo theo hệ số co dân việc làm của huyện khá nhỏ. Hệ số co dân việc làm cho biết khi tăng trưởng kinh tế 1% thì tỷ lệ tăng trưởng việc làm thay đổi bao nhiêu.

Bảng 2: Số việc làm mới để giải quyết việc làm cho lao động nữ ở huyện Đắk Mil

	2019	2020	2021	2022	2023
Số việc làm cho lao động nữ từ các ngành kinh tế	25230	25880	25920	26163	26544
Số việc làm tăng để giải quyết việc làm cho lao động nữ	540	302	105	125	156
Trong đó					
Công nghiệp – xây dựng	111	130	26	29	39
Thương mại – dịch vụ	123	136	24	33	42
Nông – lâm – thủy sản	317	384	55	63	75

Nguồn: Tính toán từ số liệu Phòng Lao động và TBXH huyện Đắk Mil

Trong các ngành kinh tế của huyện, ngành Nông – lâm – thủy sản là ngành ở đó có số việc làm mới cho lao động nữ lớn nhất và chủ yếu các năm. Ngành thương mại – dịch vụ tạo ít việc làm do Chính phủ triển khai một số chính sách hạn chế hoạt động buôn bán, kinh doanh để phòng đại dịch Covid – 19. Ngành công nghiệp – xây dựng chỉ nhỉnh hơn chút so với ngành thương mại – dịch vụ.

Những diễn biến này gắn liền với đường lối phát triển kinh tế của huyện gắn liền với thế mạnh nguồn lực lao động. Đó là Phát triển kinh

tế xã hội của huyện trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, các nguồn lực tại chỗ về con người và tài nguyên thiên nhiên đồng thời tích cực, chủ động tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh và thu hút các nguồn lực bên ngoài (nhất là vốn, công nghệ) nhằm tạo sự phát triển nhanh, hiệu quả. Phát triển kinh tế bền vững dựa trên ba trụ cột: Tăng trưởng kinh tế nhanh và ổn định; Bảo đảm an sinh xã hội cho người dân; Bảo vệ tốt thiên nhiên và môi trường sinh thái.

Như vậy, với tình hình kinh tế nhiều biến động, phát triển sản xuất của huyện những năm qua đã góp một phần nhỏ trong giải quyết việc làm cho lao động nữ của huyện. Trong đó, ngành nông nghiệp giải quyết được nhiều việc làm cho lao động nữ nhất và ngành thương mại – dịch vụ giải quyết được ít nhất.

3.1.2. Thực trạng về hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho lao động nữ

Trong những năm qua, huyện Đắk Mil đã thực hiện hoạt động hướng nghiệp cho lao động, đặc biệt là lao động nữ nhằm đảm bảo cho người lao động có định hướng nghề nghiệp tốt, đáp ứng nhu cầu xã hội. Số liệu bảng 3 cho thấy số lượng được hướng nghiệp tăng đều hàng năm, tuy nhiên số lượng không lớn. Năm 2019 là 1.250 người, năm 2023 là 1.654 người, tăng 404 người sau 5 năm. Công tác này gồm 2 hoạt động chính là giáo dục định hướng và tư vấn việc làm với các nội dung cụ thể:

Cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng về nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương một cách đầy đủ; Trang bị đầy đủ hơn về hệ thống các trường đào tạo từ trung cấp đến cao đẳng, đại học trên cả nước, cơ cấu nghề nghiệp trong tương lai, những ngành nghề có triển vọng, những ngành nghề sẽ dần mất đi... Nhận thức về nhu cầu của thị trường lao động, về nghề nghiệp một cách đầy đủ là cơ sở để việc chọn nghề của các em học sinh đúng với

yêu cầu của xã hội, tránh tình trạng lãng phí về thời gian, kinh phí học tập. Bên cạnh đó, khi tham gia hoạt động hướng nghiệp, chọn nghề, các em học sinh nói chung và nữ nói riêng có cơ hội được khám phá chính bản thân mình thông qua các trắc nghiệm đánh giá tâm lý một cách khách quan, khoa học. Hiểu biết đầy đủ về năng lực, phẩm chất của bản thân, nhận thức được sở trường, sở đoản của chính mình là một trong những thành tố tạo nên cơ hội lựa chọn nghề nghiệp một cách đúng đắn cho các em.

Bảng 3: Số lượng lao động được giải quyết việc làm

	2019	2020	2021	2022	2023
Hướng nghiệp cho lao động của huyện (người)					
Trong đó: lao động nữ	476	553	604	791	809
Tổng số lao động được giải quyết việc làm:					
- Nam	2.695	3.593	3.687	2.710	2.718
- Nữ	1.150	1.769	1.985	1.808	1.463

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Phòng Lao động và TBXH huyện Đắk Mil

Đối tượng của hoạt động tư vấn, hướng nghiệp chủ yếu là học sinh cấp 3; các đối tượng thực hiện hoạt động tư vấn là giáo viên, tổ chức đoàn thể, trung tâm khuyến nông... huyện Đắk Mil, chủ yếu là tổ chức Đoàn thanh niên phối hợp với các trường học hoặc do cán bộ tại các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn tỉnh hoặc từ các thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương... tham gia trong công tác giáo dục định hướng. Các nội dung định hướng cũng chỉ

tập trung vào giới thiệu nhà trường, nghề nghiệp chứ chưa thực sự có những hình thức khoa học để tư vấn chọn nghề thông qua thể chất, tâm lý, đặc điểm của người học.

Hoạt động giới thiệu việc làm cho lao động, đặc biệt là lao động nữ cũng được triển khai tích cực. Số liệu trên Bảng 3 cho thấy mỗi năm đều giới thiệu việc làm trung bình cho hơn 4.000 người. Trong đó, lao động nữ là gần 1.500 và cũng tăng hàng năm. Hoạt động đã thiết lập được hệ thống thông tin về việc làm, thông tin hai chiều giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động về khả năng đáp ứng nguồn nhân lực và nhu cầu sử dụng lao động để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học, giúp các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng lao động lựa chọn được người phù hợp với yêu cầu công việc.

Trên địa bàn huyện hiện nay, hoạt động giới thiệu việc làm được thực hiện thông qua các hội thảo, hội nghị, hội chợ việc làm hoặc thông qua sàn giao dịch việc làm được tổ chức vào ngày 15 hàng tháng. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện Đắk Mil đã phối hợp chặt chẽ với Tỉnh đoàn, Hội liên hiệp phụ nữ và Trung tâm giới thiệu việc làm Tỉnh tổ chức tư vấn hướng nghiệp và sàn giao dịch việc làm cho thanh niên của huyện, đặc biệt chú ý đến đối tượng thanh niên xuất ngũ và sinh viên dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Số lượng lao động nữ quan tâm tới hoạt động giới thiệu việc làm ngày càng nhiều. Hiện nay, mặc dù có nhiều kênh thông tin về việc làm như trang website về tuyển dụng, chợ việc làm hoặc các kênh thông tin đại chúng như truyền hình, facebook... nhưng tại huyện, hiệu quả của các kênh tuyển dụng này không cao. Lý do là các DN trên địa bàn tỉnh không chú trọng đến kênh tuyển dụng này, độ tin tưởng của thanh niên vào các kênh này chưa cao, trình độ tin học còn hạn chế.

3.1.3. Đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho phụ nữ

Đào tạo nghề là một trong những giải pháp có ý nghĩa quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế. Đồng thời đào tạo nghề cho người lao động là một trong những nhiệm vụ quan trọng để giúp người lao động có cơ hội tìm việc làm và phát triển kinh tế. Vì vậy, học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Bảng 4. Danh mục các nghề đào tạo tại huyện Đăk Mil

STT	Nhóm nghề nông nghiệp	STT	Nhóm nghề phi nông nghiệp
1	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	1	May công nghiệp
		2	Dệt thổ cẩm
		3	Sửa chữa điện dân dụng
2	Chăn nuôi heo	4	Sửa chữa máy nông nghiệp
		5	Kỹ thuật nấu ăn
		6	Trang điểm
3	Chăn nuôi bò	7	Kỹ thuật sửa chữa máy photocopy
		8	May dân dụng
		9	Điện tử dân dụng
4	Chăn nuôi gà	10	Kỹ thuật điêu khắc gỗ
		11	Thủ công (làm chổi đốt, tấm tre...)
		12	Sửa chữa điện thoại di động

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Phòng Lao động và TBXH huyện Đăk Mil

Huyện Đăk Mil đã trải qua hơn 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 19 của Ban Bí thư (khoá XI) và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Đăk Nông về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn”. Chỉ tính riêng trong năm 2023,

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đăk Mil đã tổ chức được 17 lớp đào tạo nghề cho lao động với 595 học viên tham gia. Trong đó, có 6 lớp đào tạo nghề nông nghiệp, 11 lớp phi nông nghiệp. Đối với đào tạo nghề cho phụ nữ, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đăk Mil đã tổ chức 3 lớp dạy nghề May công nghiệp tại xã Đăk Săk và xã Đăk Găn cho 105 học viên; tổ chức 4 lớp về nghề Nấu ăn, tại xã Đăk N'Drot và xã Long Sơn số lượng 140 học viên; tổ chức 2 lớp dạy nghề Trang điểm cho 70 học viên trên địa bàn huyện (Phòng Lao động – TBXH huyện Đăk Mil et al., 2021).

Bảng 5. Đào tạo nghề cho lao động nữ giai đoạn 2019 – 2023 huyện Đăk Mil

Năm	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng số	lượng đào tạo nghề	40	75	80	560	764
Trong đó:	số lao động nữ	15	33	42	217	315

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Phòng Lao động và TBXH huyện Đăk Mil

Việc thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nữ trên địa bàn huyện có nhiều vấn đề. Đó là vấn đề tài chính. Nhưng vấn đề đã được giải quyết thông qua ngân sách của huyện và tỉnh để hỗ trợ kinh phí cho đào tạo nghề cho đối tượng là nữ. Mức hỗ trợ từ 200.000 - 300.000 đồng/người/tháng (Phòng Lao động – TBXH huyện Đăk Mil et al., 2020). Điều này đã giúp cho họ vừa đi học vừa trang trải được một phần cuộc sống. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề cho lao động nói chung và lao động nữ nói riêng vẫn gặp khó khăn. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập còn thiếu nên tỷ lệ lao động nữ đăng ký các khóa học tăng chậm. Ngoài ra, công tác xác định nhu cầu đào tạo để mở lớp học cũng không được triển khai tốt. Trong thời gian này, việc tổ chức đại trà quá

nhiều lớp nhưng một số lớp số lượng lao động nữ tham gia học rất ít. Trong khi đó một số nghề như trang điểm, uốn tóc, nấu ăn, trồng nấm ... là nhu cầu ở đa số địa phương lại rất khó tổ chức mở lớp. Giáo viên dạy nghề, giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp còn quá ít. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên đảm nhiệm dạy nghề nông nghiệp không phải người công tác cố định tại cơ sở, chủ yếu là giáo viên hợp đồng thỉnh giảng nên ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng đào tạo (Phòng Lao động – TBXH huyện Đắk Mil et al., 2021).

3.1.4. Xuất khẩu lao động giải quyết việc làm cho lao động nữ

Huyện Đắk Mil có nguồn lao động khá dồi dào, chiếm khoảng trên 70% dân số. Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đang trên đà phát triển. Tuy nhiên, việc khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống còn chậm, việc tổ chức khai thác tiềm năng chưa được đáp ứng nhu cầu về lao động, việc làm. Bởi vậy, xuất khẩu lao động là một trong những kênh giúp giải quyết việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, huyện chưa được cấp phép tổ chức xuất khẩu lao động mà chỉ đóng vai trò trung gian, giúp cho người lao động tiếp cận với cơ hội từ các công ty xuất khẩu lao động; tham gia tuyển chọn người lao động đáp ứng tiêu chuẩn, tiến hành đào tạo, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, phong tục tập quán,... Trên địa bàn huyện đã có 08 văn phòng tư vấn du học và xuất khẩu lao động (Phòng Lao động – TBXH huyện Đắk Mil, 2023). Đây là các cơ sở được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông thẩm định, giới thiệu từ các DN có uy tín xuống địa phương để phối hợp tuyển lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...Bên cạnh đó, Trung tâm giới thiệu việc làm cũng tăng cường tư vấn cho người lao động và giới thiệu những người có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài cho các DN có chức năng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bảng 6: Kết quả xuất khẩu lao động

ĐVT: Người

Năm	2019	2020	2021	2022	2023
Chỉ tiêu					
Tổng số	87	32	02	168	265
Nữ	30	11	-	63	94

Nguồn: Phòng Lao động và TBXH huyện Đắk Mil

Giai đoạn 2019 - 2023, trong tổng số 554 lao động được đi làm việc ở nước ngoài thì lao động nữ chiếm 198 với tỷ lệ 35,7%. Tuy nhiên, lực lượng lao động nữ được tham gia xuất khẩu lao động còn khá khiêm tốn nhưng cũng đã khẳng định sự quan tâm của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương đối với vấn đề giải quyết việc làm cho lao động nữ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội huyện nhà (các ngành công an, y tế, ngân hàng... đều tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người lao động làm thủ tục). Ngoài ra, thời gian gần đây, Trung tâm dạy nghề huyện được Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông tạo điều kiện để nâng cao công tác đào tạo, dạy nghề, dạy tiếng, định hướng cho người lao động tiếp cận thị trường, nâng cao nhận thức, nâng cao hiểu biết để người lao động phát huy được khả năng khi làm việc trên nước bạn.

3.2. Giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nữ tại huyện Đắk Mil

Đẩy mạnh phát triển các ngành sản xuất tạo việc làm cho lao động nữ:

Tăng cường nguồn vốn tín dụng, nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ vay vốn thuận lợi. Tăng cường nguồn vốn vay trung và dài hạn cho hộ và trang trại để họ có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa.

Cần quy hoạch ổn định các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh có quy mô lớn, năng suất cao, sử dụng nhiều lao động như. Xây dựng

một khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao để sản xuất rau quả an toàn, sản xuất giống cây, hoa kiểng,...

Khuyến khích và hỗ trợ phụ nữ là chủ cơ sở sản xuất đầu tư và đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp. Đồng thời chú ý ứng dụng công nghệ mới như công nghệ không dùng đất để tăng năng suất và sản xuất các loại nông sản sạch. Bên cạnh đó khuyến khích một số hộ, trang trại chăn nuôi các loại đặc sản, các giống lợn, gà, vv... để phục vụ nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân địa phương và phục vụ khách du lịch.

Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở, các thủ tục hành chính cấp phép đăng ký kinh doanh, quy hoạch chi tiết rõ ràng trong phát triển mạng lưới chợ, siêu thị tại các xã và thị trấn.

Đẩy mạnh công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho lao động nữ:

Khuyến khích sự hỗ trợ đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để có nguồn kinh phí thực hiện công tác hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho phụ nữ.

Các phòng, ban chức năng của huyện cần thực hiện tốt việc tham mưu, chủ động tìm những DN có điều kiện thuận lợi về thu nhập, điều kiện làm việc, chế độ chính sách với người lao động để từ đó phối hợp tổ chức các lớp tư vấn, giới thiệu việc làm cho thanh niên.

Trung tâm giới thiệu việc làm huyện cần đổi mới phương thức hoạt động, xây dựng website, xây dựng và tập hợp các dữ liệu thông tin về việc làm và nhu cầu tuyển dụng lao động tại các DN để phụ nữ thuận tiện trong việc liên lạc, đăng ký tìm việc làm.

Tổ chức các buổi tư vấn, hướng dẫn cho thanh niên một số kỹ năng khi tìm việc như: làm hồ sơ, viết đơn xin việc, xử lý tình huống phỏng vấn, giao tiếp với người tuyển dụng.

Tăng cường đào tạo nghề cho người lao động nữ:

Nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm, cập nhật kiến thức kỹ thuật công nghệ mới cho đội ngũ giáo viên dạy nghề; người có kinh nghiệm, các nghệ nhân, thợ giỏi về làm giáo viên ở các cơ sở dạy nghề, tổ chức thường xuyên phong trào luyện tay nghề, thi thợ giỏi, giáo viên giỏi, có chính sách khen thưởng, động viên chính đáng.

Ưu tiên mở các lớp tập huấn, đào tạo nghề trên địa bàn các xã có tỷ lệ lao động nữ qua đào tạo thấp, chưa đạt tiêu chí trong chuẩn xây dựng nông thôn mới về tỷ lệ đào tạo nghề.

Tập trung đào tạo thường xuyên các ngành nghề ngắn hạn trọng yếu như: may công nghiệp, chăn nuôi thú ý, bảo vệ thực vật, trồng rau sạch, nữ công gia chánh, các ngành dịch vụ.... Hình thức đào tạo nên tập trung vào tổ chức dạy nghề lưu động, mang kỹ thuật ngành nghề đến với phụ nữ, kết hợp vừa học vừa thực hành, dạy nghề một cách trực quan sinh động, học viên tận dụng được thời gian lúc nông nhàn, ít tốn kém chi phí đi lại. Bên cạnh đó cần hỗ trợ tổ chức sản xuất kinh doanh và giới thiệu việc làm tại chỗ cho phụ nữ ngay sau quá trình học.

Đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu lao động:

Đổi mới công tác tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động nữ bằng nhiều hình thức, đa dạng hóa các nội dung tư vấn, tư vấn pháp luật nơi làm việc, lựa chọn ngành nghề phù hợp...

Xây dựng quỹ xuất khẩu lao động để có nguồn hỗ trợ kinh phí cho lao động nữ để họ có đủ điều kiện đi xuất khẩu lao động.

Có chính sách hỗ trợ kinh phí về kiểm tra sức khỏe, thủ tục xuất nhập cảnh cho lao động nữ đăng ký xuất khẩu lao động.

Tuyên truyền và có chính sách hỗ trợ lao động nữ học nghề trước khi xuất khẩu lao động

nhằm đảm bảo quyền lợi và tăng thêm thu nhập cho bản thân.

4. KẾT LUẬN

Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn huyện Đắk Mil trong các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế và thông qua xuất khẩu lao động. Đại bộ phận lao động nữ tại huyện Đắk Mil tham gia lao động trong lĩnh vực nông nghiệp là chủ yếu. Các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn là doanh nghiệp quy mô nhỏ và rất nhỏ nên khả năng tạo việc làm cho lực lượng tại chỗ không lớn. Công tác giải quyết việc làm cho lao động nữ ở huyện Đắk Mil đã được quan tâm trong thời gian qua. Tuy nhiên, quá trình giải quyết việc làm cho lao động nữ của huyện vẫn còn tồn tại những bất cập cần được tiếp tục khắc phục trong thời gian tới đã được bài viết chỉ ra như tỷ lệ tạo việc làm mới cho lao động nữ chưa cao, hiệu quả trang website về tuyển dụng, chợ việc làm hoặc các kênh thông tin đại chúng như truyền hình, facebook...; nâng cao trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật; nâng cao chất lượng của các cơ sở dạy nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Xuân Bá (2015), Vấn đề lao động việc làm khu vực phi chính thức trong hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Công Thương*.
- TS. Trần Đình Chín, ThS. Nguyễn Dũng Anh (2014), *Việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ*”, NXB Chính trị Quốc gia.
- Cục Thống kê tỉnh Đắk Nông (2022), *Niên giám thống kê huyện Đắk Mil*, Nhà Xuất bản Thống kê.
- Nguyễn Sinh Cúc, Giải quyết việc làm ở nông thôn và những vấn đề đặt ra, *Tạp chí Con số và sự kiện*, số 8/ 2003
- Ph. Angghen, *Biện chứng của tự nhiên*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1971, tr.251 – 252.
- Nguyễn Hữu Dũng (2004), Giải quyết vấn đề lao động và việc làm trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn, *Tạp chí Lao động xã hội*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đảng về lao động việc làm*”, Nxb Chính trị Quốc gia
- Đinh Đăng Định (2004), *Một số vấn đề về lao động, việc làm và đời sống người lao động ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Lao động xuất bản.
- Phạm Mạnh Hà (2010), Luận án tiến sĩ *Giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Ninh Bình trong thời quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa*.
- Cao Duy Hạ (2011), Giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, *Tạp chí Cộng sản*, số 8 (2011) .
- Lê Phương Hòa (2021), Dịch chuyển lao động nông nghiệp ở Việt Nam: Một số hàm ý chính sách, *Tạp chí Cộng sản*
- Nguyễn Thị Thơm, ThS. Phí Thị Hằng (2009), *Giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp trong quá trình đô thị hóa*, NXB Chính Trị quốc gia.
- Đặng Quỳnh Mai (2003), *Vai trò của phụ nữ nông thôn trong phát triển ngành nghề thời đại kinh tế tri thức*, Kỷ yếu phụ nữ Việt Nam với kinh tế tri thức.
- Trần Thị Minh Ngọc (2019), *Việc làm của nông dân trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia
- Nguyễn Bá Ngọc, Trần Văn Hoan (2002), *Toàn cầu hóa: cơ hội và thách thức đối với lao động Việt Nam*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội
- Nguyễn Đăng Núi (2020), *Chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng*

- dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật
- Võ Thị Thuý Nguyệt (2019), *Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam*, Luận Văn Thạc sĩ Kinh tế phát triển, Trường Đại học Kinh Tế - Đại học Đà Nẵng.
- Phòng Lao động – TBXH huyện Đắk Mil (2020), *Báo cáo thực hiện công tác Lao động – Thương binh & Xã hội năm 2020*.
- Phòng Lao động – TBXH huyện Đắk Mil (2021), *Báo cáo thực hiện công tác Lao động – Thương binh & Xã hội năm 2021*.
- Phòng Lao động – TBXH huyện Đắk Mil (2022), *Báo cáo thực hiện công tác Lao động – Thương binh & Xã hội năm 2022*.
- Phòng Lao động – TBXH huyện Đắk Mil (2023), *Báo cáo thực hiện công tác Lao động – Thương binh & Xã hội năm 2023*.
- Phạm Đức Thành (2002), *Vấn đề giải quyết việc làm ở Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế và phát triển.
- Bùi Quyết Thắng và Lê Thu Hà (2017), *Một số vấn đề về chính sách đối với lao động nữ và bình đẳng giới*
- Vũ Đình Thắng (2002), *Vấn đề việc làm cho người lao động ở nông thôn*, Tạp chí Kinh tế và phát triển.
- Bạch Ngọc Thắng, Lê Quang Cảnh (2020), *Việc làm và gia nhập thị trường lao động của giới trẻ “Lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam”*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Trần Thị Thu (2003), *Tạo việc làm cho lao động nữ trong thời kỳ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nhà xuất bản Lao động xã hội Hà Nội.
- Trần Việt Tiến (2012), *Chính sách việc làm ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Kinh tế và phát triển.
- UBND huyện Đắk Mil (2021), *Báo cáo Kết quả thực hiện chính sách pháp luật về đào tạo nghề và giải quyết việc làm trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2023*.
- UBND tỉnh Đắk Nông (2021), *Thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn huyện Đắk Mil*.
- Phạm Thị Ngọc Vân (2015), luận án tiến sĩ “*Giải quyết việc làm cho người lao động trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên*”.

EMPLOYMENT SETTLEMENT FOR FEMALE WORKERS IN DAKMIL DISTRICT, DAK NONG PROVINCE

Nguyen Thi Phuong Thao^{1*}

¹Central Highlands Institute of Social Sciences, Vietnam Academy of Social Sciences

*Corresponding author: Nguyen Thi Phuong Thao, phuongthao661996@gmail.com

GENERAL INFORMATION

Received date: 23/04/2024

Revised date: 01/06/2024

ABSTRACT

The article evaluates the current situation of creating jobs for female workers in Dak Mil district, Dak Nong province on the

Published date: 28/12/2024

KEYWORD

Dak Mil;

Female workers;

Employment.

following aspects including current status of production development to create jobs for female workers; Current status of career guidance and job introduction for female workers; Vocational training is associated with creating jobs for women and labor export creating jobs for female workers. The author references and applies some content from related research articles published domestically and uses descriptive statistics and general analysis methods in the research. On that basis, the article proposes some solutions to improve the effectiveness of job creation for female workers in Dak Mil district, Dak Nong province in the coming time.
